

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	14 - 37
8. Phụ lục	38

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần Âu Lạc hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302704796, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 9 năm 2002 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 20 tháng 4 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 289.221.600.000 VND

Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 253.779.820.000 VND

Trong đó:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty cổ phần phát triển Phú Minh	63.420.040.000	24,99
Tổng Công ty thương mại kỹ thuật và đầu tư	11.705.300.000	4,61
Công ty TNHH một thành viên dầu khí TP. Hồ Chí Minh	17.286.100.000	6,81
Bà Nguyễn Thị Hằng	11.452.720.000	4,51
Công ty cổ phần hàng hải dầu khí Hải Âu	9.853.900.000	3,88
Các cổ đông khác	140.061.760.000	55,20
Cộng	253.779.820.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84 - 8) 38 200441- 38 200443

Fax : (84 - 8) 38 200440

Website : www.aulac.com.vn

Mã số thuế : 0302704796

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Dịch vụ hàng hải – Kinh doanh vận tải nhiên liệu đường thủy nội địa – Kinh doanh vận tải biển (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Mua bán các mặt hàng trang trí nội thất, công nghệ phẩm, kim khí điện máy, nông lâm sản, lương thực thực phẩm, máy móc phục vụ các ngành công – nông – lâm – ngư nghiệp, xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng, vật liệu xây dựng, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), xăng dầu (chỉ hoạt động khi được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật), nhớt;
- Đại lý ký gửi hàng hóa.

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông bất thường ngày 17 tháng 9 năm 2012 đã thông qua kế hoạch phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, phát hành trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ và niêm yết cổ phiếu của Công ty trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh trong năm 2012. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, các nội dung này vẫn đang được thực hiện.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trong năm 2012, Công ty đã hoàn thành thủ tục mua, chính thức tiếp nhận và đưa vào khai thác tàu Âu Lạc Diamond. Việc đàm phán mua và đưa tàu Âu Lạc Diamond có trọng tải toàn phần là 12.639,144 tấn vào khai thác từ tháng 11 năm 2012 đã đánh dấu thời kỳ phát triển mới của Công ty cổ phần Âu Lạc theo hướng trẻ hóa, nâng cao chất lượng phương tiện để vươn xa hơn, đồng thời thể hiện rõ tầm nhìn của lãnh đạo Công ty trong chủ trương phát triển và mở rộng.

Ngoài ra trong tháng 12 năm 2012, Công ty đã tiến hành thanh lý tàu Âu Lạc 01 làm phát sinh khoản lãi 9.337.892.602 VND.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 38).

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2011 theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông số 01/2012.NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 3 năm 2012 như sau:

- Thưởng cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	1.050.000.000 VND
- Chia cổ tức (2.000 VND/cổ phiếu)	50.755.964.000 VND

Đồng thời tạm phân phối lợi nhuận năm 2012 như sau:

- Trích quỹ đầu tư phát triển	2.786.621.963 VND
- Trích quỹ dự phòng tài chính	1.671.973.178 VND
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.901.270.747 VND
- Chi thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	1.620.000.000 VND

Ngoài ra, căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 13 tháng 9 năm 2012, Công ty đã tạm ứng cổ tức năm 2012 với số tiền là 12.688.991.000 VND (500 VND/cổ phiếu).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Mạnh Thảo	Chủ tịch	30 tháng 6 năm 2010
Bà Nguyễn Thị Hằng	Thành viên	30 tháng 6 năm 2010
Ông Trần Lê Khánh	Thành viên	30 tháng 6 năm 2010
Ông Nguyễn Thanh Hồng	Thành viên	30 tháng 6 năm 2010
Ông Nguyễn Việt Hải	Thành viên	30 tháng 6 năm 2010

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Huỳnh Đức Trường	Trưởng ban	22 tháng 4 năm 2011
Bà Phạm Thị Hồng	Thành viên	22 tháng 4 năm 2011
Ông Phan Vĩnh Kha	Thành viên	22 tháng 4 năm 2011
Bà Bùi Thị Thu Thảo	Thành viên	22 tháng 4 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Mai Văn Tùng	Tổng Giám đốc	08 tháng 4 năm 2011
Ông Lê Hồng Sơn	Phó Tổng Giám đốc	09 tháng 6 năm 2012

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần Âu Lạc tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cũng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Mai Văn Tùng
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 01 năm 2013



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist. I, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0015/2013/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC**

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty cổ phần Âu Lạc gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 10 tháng 01 năm 2013, từ trang 07 đến trang 38 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Báo cáo tài chính của Công ty năm 2011 đã được kiểm toán viên khác kiểm toán. Kiểm toán viên này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 19 tháng 3 năm 2012 có dạng ý kiến ngoại trừ. Các ngoại trừ liên quan đến: (1) khoản lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện phát sinh từ việc đánh giá lại số dư cuối năm của khoản vay dài hạn có gốc ngoại tệ với số tiền là 8.742.469.772 VND được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và (2) Công ty chưa trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi với số tiền là 3.065.333.335 VND.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Âu Lạc tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Liên quan đến ý kiến ngoại trừ của kiểm toán viên tiền nhiệm về Báo cáo tài chính năm 2011 như đã nêu ở trên, Công ty đã thực hiện điều chỉnh hồi tố trong năm 2012 và trình bày lại thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 tại thuyết minh số VII.3 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính. Chúng tôi đã kiểm tra và nhận thấy các điều chỉnh này là phù hợp với hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Phùng Thị Quang Thái - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0094/KTV

Bùi Thị Ngọc Anh - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1491/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 01 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toàn, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		122.793.450.810	125.218.262.742
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	42.225.452.748	34.300.196.757
1. Tiền	111		16.125.452.748	21.300.196.757
2. Các khoản tương đương tiền	112		26.100.000.000	13.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.642.471.200	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	1.642.471.200	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130		37.370.514.567	49.650.162.850
1. Phải thu của khách hàng	131	V.3	36.067.005.763	44.098.065.331
2. Trả trước cho người bán	132		276.477.334	3.732.951.870
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.4	4.092.364.805	4.884.478.984
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	V.5	(3.065.333.335)	(3.065.333.335)
IV. Hàng tồn kho	140		39.194.023.010	39.018.166.606
1. Hàng tồn kho	141	V.6	39.194.023.010	39.018.166.606
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.360.989.285	2.249.736.529
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	2.230.882.285	1.614.115.928
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	458.064.214
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		130.107.000	177.556.387

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		787.060.605.856	632.239.135.046
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		765.097.586.342	583.473.568.113
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	765.097.586.342	583.301.525.613
<i>Nguyên giá</i>	222		1.080.367.548.761	892.395.013.198
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(315.269.962.419)	(309.093.487.585)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		83.435.669	83.435.669
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(83.435.669)	(83.435.669)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	172.042.500
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		7.724.000.000	7.474.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.9	500.000.000	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.10	10.874.000.000	10.874.000.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259	V.11	(3.650.000.000)	(3.400.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		14.239.019.514	41.291.566.933
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	9.641.019.514	33.667.909.055
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	-	3.030.657.878
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.14	4.598.000.000	4.593.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		909.854.056.666	757.457.397.788

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		328.246.952.388	170.343.652.243
I. Nợ ngắn hạn	310		95.760.416.361	84.717.190.523
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	49.279.874.473	42.552.770.368
2. Phải trả người bán	312	V.16	33.963.784.457	29.578.542.757
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.17	5.783.760.455	4.330.999.281
5. Phải trả người lao động	315		140.000.000	3.034.382.202
6. Chi phí phải trả	316	V.18	638.847.091	718.597.017
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.19	2.911.603.068	3.571.822.828
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.20	3.042.546.817	930.076.070
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	320		232.486.536.027	85.626.461.720
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.21	232.486.536.027	85.411.462.400
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	214.999.320
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		581.607.104.278	587.113.745.545
I. Vốn chủ sở hữu	410		581.607.104.278	587.113.745.545
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.22	253.779.820.000	253.779.820.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.22	254.725.820.000	254.725.820.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.22	-	314.828.404
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.22	15.415.022.391	12.628.400.428
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.22	22.940.971.857	21.268.998.679
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.22	34.745.470.030	44.395.878.034
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		909.854.056.666	757.457.397.788

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết	Số cuối năm	Số đầu năm
	minh		
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		450.649,63	856.522,65
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



Hồ Văn Thiện
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2013

Mai Văn Tùng
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	533.107.483.918	501.470.090.018
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	533.107.483.918	501.470.090.018
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	422.647.116.379	386.592.193.930
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		110.460.367.539	114.877.896.088
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.958.400.790	2.973.712.373
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	10.850.225.028	30.431.756.375
Trong đó: chi phí lãi vay	23		9.443.850.407	9.949.937.639
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	8.924.279.155	5.871.619.012
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	18.216.310.146	14.714.026.399
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		74.427.954.000	66.834.206.675
11. Thu nhập khác	31	VI.7	29.485.269.351	4.250.200.446
12. Chi phí khác	32	VI.8	20.598.541.969	2.807.415.138
13. Lợi nhuận khác	40		8.886.727.382	1.442.785.308
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		83.314.681.382	68.276.991.983
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	15.459.610.620	10.904.208.707
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.13	3.030.657.878	912.357.303
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>64.824.412.884</u>	<u>56.460.425.973</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.9	<u>2.554</u>	<u>2.225</u>



Hồ Văn Thiện
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2013

Mai Văn Tùng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		83.314.681.382	68.276.991.983
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.8	58.506.500.580	55.629.383.417
- Các khoản dự phòng	03	V.11	250.000.000	3.400.000.000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3	(177.310.980)	11.281.729.243
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7, VI.8	(10.032.169.600)	(314.465.103)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	9.443.850.407	9.949.937.639
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		141.305.551.789	148.223.577.179
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		12.735.233.257	(35.358.721.163)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.153.670.073)	(12.665.137.364)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		2.016.914.917	6.057.470.817
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		13.549.972.801	12.885.980.030
- Tiền lãi vay đã trả	13	VI.4	(9.443.850.407)	(9.949.937.639)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.17	(14.619.186.596)	(9.783.433.862)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(6.106.271.200)	(3.765.666.332)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		137.284.694.488	95.644.131.666
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(244.320.242.191)	(6.898.040.014)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		24.872.170.299	2.030.318.182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.9	(500.000.000)	(2.120.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	1.187.686.735	773.596.078
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(218.760.385.157)	(6.214.125.754)

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.15,V.21	290.779.778.735	51.427.995.518
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.15,V.21	(136.802.631.403)	(112.872.161.794)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.22	(64.320.754.587)	(22.483.338.163)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>89.656.392.745</i>	<i>(83.927.504.439)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		8.180.702.076	5.502.501.473
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	34.300.196.757	28.523.779.984
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(255.446.085)	273.915.300
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	42.225.452.748	34.300.196.757



Hồ Văn Thiện
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2013

Mai Văn Tùng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, thương mại.
- Ngành nghề kinh doanh** : Dịch vụ hàng hải; Kinh doanh vận tải nhiên liệu đường thủy nội địa; Kinh doanh vận tải biển.

4. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 Công ty có 243 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 233 nhân viên).

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông bất thường ngày 17 tháng 9 năm 2012 đã thông qua kế hoạch phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, phát hành trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ và niêm yết cổ phiếu của Công ty trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh trong năm 2012. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, các nội dung này vẫn đang được thực hiện.

Trong năm 2012, Công ty đã hoàn thành thủ tục mua, chính thức tiếp nhận và đưa vào khai thác tàu Âu Lạc Diamond. Việc đàm phán mua và đưa tàu Âu Lạc Diamond có trọng tải toàn phần là 12.639,144 tấn vào khai thác từ tháng 11 năm 2012 đã đánh dấu thời kỳ phát triển mới của Công ty cổ phần Âu Lạc theo hướng trẻ hóa, nâng cao chất lượng phương tiện để vươn xa hơn, đồng thời thể hiện rõ tầm nhìn của lãnh đạo Công ty trong chủ trương phát triển và mở rộng.

Ngoài ra trong tháng 12 năm 2012, Công ty đã tiến hành thanh lý tàu Âu Lạc 01 làm phát sinh khoản lãi 9.337.892.602 VND.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toàn, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 24 tháng 10 năm 2012 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC qui định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng từ năm tài chính 2012 và thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009. Qui định của Thông tư số 179/2012/TT-BTC thay đổi so với Thông tư số 201/2009/TT-BTC Công ty đang áp dụng về tỷ giá qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ và tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm cũng như xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thông tư số 179/2012/TT-BTC qui định tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh, tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố thay vì sử dụng tỷ giá bình quân liên ngân hàng như hướng dẫn tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Theo Thông tư 201/2009/TT-BTC, chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chi tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xóa số dư vào đầu năm sau.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải thu, phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Nếu việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ phải trả dài hạn làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì một phần chênh lệch tỷ giá được phân bổ cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được phân bổ vào chi phí cho các năm sau với thời gian tối đa không quá 5 năm.

Thông tư số 179/2012/TT-BTC quy định chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm. Tuy nhiên, Thông tư số 179/2012/TT-BTC cho phép khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ của các năm trước chưa phân bổ hết được tiếp tục phân bổ theo số năm còn lại.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07

7. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và công ty con được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí sửa chữa tàu

Chi phí phát sinh cho việc trung tu và đại tu tàu được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

13. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc chi trả trong năm được ghi giảm số dư đã trích lập trong các năm trước. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước không đủ để chi trợ cấp thôi việc cho người lao động thì toàn bộ phần chi còn thiếu được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước sau khi chi trợ cấp thôi việc trong năm vẫn còn số dư thì phần chưa chi được ghi nhận vào thu nhập khác trong năm.

14. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toàn, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Trích lập các quỹ

Quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khen thưởng phúc lợi được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

18. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2011 : 20.828 VND/USD
16.520 VND/SGD
31/12/2012 : 20.815 VND/USD
16.905 VND/SGD

19. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.7.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

20. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toàn, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

21. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý.

Nợ phải trả tài chính khác

Các khoản nợ phải trả tài chính khác gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phân chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

22. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.176.889.932	275.048.400
Tiền gửi ngân hàng	14.948.562.816	21.025.148.357
Các khoản tương đương tiền (*)	26.100.000.000	13.000.000.000
Cộng	<u>42.225.452.748</u>	<u>34.300.196.757</u>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

Khoản đầu tư cổ phiếu của Công ty cổ phần xăng dầu chất đốt Hà Nội với số lượng là 136.300 cổ phiếu.

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng trong nước	17.080.307.732	27.258.634.829
Các khách hàng nước ngoài	18.986.698.031	16.839.430.502
Cộng	<u>36.067.005.763</u>	<u>44.098.065.331</u>

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu Công ty cổ phần Khang Phong – Tạm ứng tiền góp vốn theo biên bản thỏa thuận	3.065.333.335	3.065.333.335
Phải thu thuyền viên các tàu tiền bồi thường hao hụt	218.947.643	828.461.224
Phải thu phí đại lý từ chủ hàng	550.310.827	496.444.580
Các khoản khác	257.773.000	494.239.845
Cộng	<u>4.092.364.805</u>	<u>4.884.478.984</u>

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Dự phòng khoản phải thu Công ty cổ phần Khang Phong khoản tạm ứng tiền góp vốn theo biên bản thỏa thuận do công ty này đã ngừng hoạt động.

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	20.813.951.032	18.770.306.573
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	18.380.071.978	20.247.860.033
Cộng	<u>39.194.023.010</u>	<u>39.018.166.606</u>

(*) Toàn bộ nhiên liệu nhập vào cho các tàu được hạch toán hết vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Khi kết thúc chuyển và ghi nhận doanh thu, Công ty sẽ tiến hành kiểm tra số lượng sử dụng thực tế để kết chuyển vào giá vốn. Do đó đến thời điểm cuối năm, vẫn còn một phần nhiên liệu tồn trên tàu, chưa sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	1.625.734.464	1.570.818.928
Chi phí khác	605.147.821	43.297.000
Cộng	2.230.882.285	1.614.115.928

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	12.399.011.818	878.677.827.360	1.318.174.020	892.395.013.198
Mua sắm mới	-	244.462.511.965	29.772.726	244.492.284.691
Thanh lý, nhượng bán	-	(56.519.749.128)	-	(56.519.749.128)
Số cuối năm	12.399.011.818	1.066.620.590.197	1.347.946.746	1.080.367.548.761

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	562.449.545	840.211.606	1.402.661.151
--	---	-------------	-------------	---------------

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	2.314.480.000	305.658.372.255	1.120.635.330	309.093.487.585
Khấu hao trong năm	495.960.000	57.903.009.807	107.530.773	58.506.500.580
Thanh lý, nhượng bán	-	(52.330.025.746)	-	(52.330.025.746)
Số cuối năm	2.810.440.000	311.231.356.316	1.228.166.103	315.269.962.419

Giá trị còn lại

Số đầu năm	10.084.531.818	573.019.455.105	197.538.690	583.301.525.613
Số cuối năm	9.588.571.818	755.389.233.881	119.780.643	765.097.586.342

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 739.951.730.986 VND và 604.238.262.029 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng.

9. Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư Công ty TNHH một thành viên hàng hải Hào Quang.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311976651 ngày 21 tháng 09 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH một thành viên hàng hải Hào Quang 10.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đầu tư vào Công ty này 500.000.000 VND. Vốn điều lệ còn phải đầu tư là 9.500.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty chứng khoán Phú Hưng	500.000	5.000.000.000	500.000	5.000.000.000
Công ty cổ phần vật tư xăng dầu Petec	30.000	309.000.000	30.000	309.000.000
Công ty cổ phần cà phê Petec	73.000	745.000.000	73.000	745.000.000
Công ty cổ phần kho vận Petec	270.000	2.700.000.000	270.000	2.700.000.000
Tổng Công ty thương mại kỹ thuật và đầu tư	100.000	2.120.000.000	100.000	2.120.000.000
Cộng		10.874.000.000		10.874.000.000

11. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty chứng khoán Phú Hưng.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

Số đầu năm	3.400.000.000
Trích lập dự phòng bổ sung	250.000.000
Số cuối năm	3.650.000.000

12. Chi phí trả trước dài hạn

Số đầu năm	33.667.909.055
Kết chuyển vào chi phí SXKD	(14.166.739.158)
Kết chuyển giảm khác (chi phí sửa chữa tàu Âu Lạc 01 đã thanh lý trong năm)	(9.860.150.383)
Số cuối năm	9.641.019.514

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	3.030.657.878
Số hoàn nhập	(3.030.657.878)
Số cuối năm	-

14. Tài sản dài hạn khác

Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

15. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng Ngân hàng ⁽¹⁾	1.613.162.500	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21)	47.666.711.973	42.552.770.368
Cộng	49.279.874.473	42.552.770.368

⁽¹⁾ Khoản vay Ngân hàng liên doanh VID Public - Chi nhánh Chợ lớn, TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất tọa lạc tại 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toàn, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:*

	Số tiền vay		Số kết chuyển	Số tiền vay đã	
	Số đầu năm	phát sinh trong năm		trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	88.748.178.735	-	(87.135.016.235)	1.613.162.500
Vay dài hạn đến hạn trả	42.552.770.368	-	47.666.711.973	(42.552.770.368)	47.666.711.973
Cộng	42.552.770.368	88.748.178.735	47.666.711.973	(129.687.786.603)	49.279.874.473

16. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các nhà cung cấp trong nước	19.071.224.833	13.729.258.547
Các nhà cung cấp nước ngoài	14.892.559.624	15.849.284.210
Cộng	33.963.784.457	29.578.542.757

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	670.429.947	(193.689.095)	476.740.852
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.005.077.564	15.459.610.620	(14.619.186.596)	4.845.501.588
Thuế thu nhập cá nhân	325.921.717	2.583.328.021	(2.447.731.723)	461.518.015
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	4.330.999.281	18.716.368.588	(17.263.607.414)	5.783.760.455

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Vận tải quốc tế:	0 %
- Vận tải nội địa:	10 %

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2012 cho thu nhập từ hoạt động vận tải biển với thuế suất thuế 25%. Riêng thu nhập từ hoạt động vận tải của tàu Âu Lạc Venus được ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	83.314.681.382	68.276.991.983
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	243.559.715	2.579.725.650
- Các khoản điều chỉnh giảm	(12.232.131.511)	(5.432.099.856)
Thu nhập chịu thuế	71.326.109.586	65.424.617.777
Trong đó:	-	-
- Thu nhập chịu thuế theo thuế suất 20%	-	65.424.617.777

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toàn, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
- Thu nhập chịu thuế theo thuế suất 25%	71.326.109.586	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	17.831.527.397	13.084.923.555
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	(2.371.916.777)	(2.180.714.848)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	15.459.610.620	10.904.208.707

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

18. Chi phí phải trả

Trích trước chi phí tàu lai, hoa tiêu, cảng vụ,... của các tàu.

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Kinh phí công đoàn	97.841.563	157.094.925
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.018.844.250	2.894.643.837
Các khoản phải trả, phải nộp khác	794.917.255	520.084.066
Cộng	2.911.603.068	3.571.822.828

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	930.076.070
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	3.901.270.747
Chi quỹ trong năm	(1.788.800.000)
Số cuối năm	3.042.546.817

21. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam – Sở giao dịch 1, TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	56.916.536.000	85.411.462.400
Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Sài Gòn ⁽ⁱⁱ⁾	175.570.000.027	-
Cộng	232.486.536.027	85.411.462.400

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam - Sở giao dịch 1, TP. Hồ Chí Minh để thanh toán tiền mua tàu với lãi suất ngân hàng công bố điều chỉnh 3 tháng, thời hạn vay 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 09 tháng 3 năm 2010. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tàu Âu Lạc Jupiter (xem thuyết minh V.9).

(ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Sài Gòn để thanh toán tiền mua tàu với lãi suất bằng trung bình lãi suất tiền gửi tiết kiệm USD kỳ hạn 12 tháng lĩnh lãi cuối kỳ của 5 tổ chức tín dụng được chọn + 4%/năm, thời hạn vay 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 26 tháng 4 năm 2013. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tàu Âu Lạc Venus và Âu Lạc Diamond (xem thuyết minh V.9).

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:

Từ 01 năm trở xuống	47.666.711.973
Trên 01 năm đến 05 năm	197.372.536.063
Trên 05 năm	35.113.999.964
Tổng nợ	<u>280.153.248.000</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn như sau:

Số đầu năm	85.411.462.400
Số tiền vay phát sinh trong năm	202.031.600.000
Số tiền vay đã trả trong năm	(7.114.844.800)
Số kết chuyển	(47.666.711.973)
Chênh lệch tỷ giá	(174.969.600)
Số cuối năm	<u>232.486.536.027</u>

22. **Vốn chủ sở hữu**

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm trang 38.

Tình hình góp vốn điều lệ đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	289.221.600.000
Vốn điều lệ đã đầu tư của chủ sở hữu	253.779.820.000

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

Trả cổ tức các năm trước	52.854.337.587
Tạm ứng cổ tức năm nay (05% mệnh giá)	11.466.417.000
Cộng	<u>64.320.754.587</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	28.922.160	28.922.160
Số lượng cổ phiếu đã phát hành		
- Cổ phiếu phổ thông	25.377.982	25.377.982
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	25.377.982	25.377.982
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	25.377.982	25.377.982
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu dịch vụ vận tải biển	526.489.783.643	461.579.224.251
Doanh thu cho thuê tàu	6.617.700.275	39.890.865.767
Cộng	<u>533.107.483.918</u>	<u>501.470.090.018</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn dịch vụ vận tải biển	416.427.036.807	349.530.961.980
Giá vốn cho thuê tàu	6.220.079.572	37.061.231.950
Cộng	<u>422.647.116.379</u>	<u>386.592.193.930</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.078.186.735	313.096.078
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	130.428.323	109.798.991
Cổ tức, lợi nhuận được chia	109.500.000	460.500.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	462.974.752	2.090.317.304
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	177.310.980	-
Cộng	<u>1.958.400.790</u>	<u>2.973.712.373</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	9.443.850.407	9.949.937.639
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	11.281.729.243
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.156.374.621	5.800.089.493
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	250.000.000	3.400.000.000
Cộng	<u>10.850.225.028</u>	<u>30.431.756.375</u>

5. Chi phí bán hàng

Chi phí hoa hồng môi giới.

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	10.319.145.976	8.163.468.798
Chi phí khấu hao tài sản cố định	698.839.197	962.126.218
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.991.064.112	1.853.098.440
Chi phí khác	3.207.260.861	3.735.332.943
Cộng	<u>18.216.310.146</u>	<u>14.714.026.399</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	25.636.363.636	2.030.318.182
Thu nhập khác từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	3.422.002.543	-
Thu tiền phạt lưu tàu	183.330.000	1.164.211.417
Các khoản khác	243.573.172	1.055.670.847
Cộng	<u>29.485.269.351</u>	<u>4.250.200.446</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	4.189.723.382	2.489.449.157
Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	12.602.157.389	-
Chi phí khác từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.928.592.806	-
Phí phạt lưu tàu	198.282.828	246.208.270
Chi phí khác	679.785.564	71.757.711
Cộng	<u>20.598.541.969</u>	<u>2.807.415.138</u>

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	64.824.412.884	56.460.425.973
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	64.824.412.884	56.460.425.973
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	25.377.982	25.377.982
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>2.554</u>	<u>2.225</u>

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	205.387.441.974	167.554.225.791
Chi phí nhân công	37.950.327.921	35.017.667.860
Chi phí khấu hao tài sản cố định	58.506.500.580	55.629.383.417
Chi phí dịch vụ mua ngoài	144.736.174.344	145.241.229.330
Chi phí khác	3.207.260.861	3.735.332.943
Cộng	<u>449.787.705.680</u>	<u>407.177.839.341</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	4.138.061.818	2.372.804.194
Tiền thưởng	1.216.000.000	636.192.307
Cộng	<u>5.354.061.818</u>	<u>3.008.996.501</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty chỉ có Công ty TNHH một thành viên hàng hải Hào Quang – Công ty con.

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với Công ty TNHH một thành viên hàng hải Hào Quang như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Bán máy tính, máy in	48.206.840	-
Phí môi giới	560.778.766	-
Góp vốn trong năm	500.000.000	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ phải trả Công ty TNHH một thành viên hàng hải Hào Quang là 274.610.452 VND.

2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là dịch vụ hàng hải và vận tải nhiên liệu; dịch vụ cho thuê tàu chiếm tỷ trọng rất nhỏ (xem thuyết minh VI.1). Do đó, các thông tin tài chính trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và tình hình doanh thu, chi phí trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính.

3. Các sai sót

Các năm trước, Công ty hạch toán khoản lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện phát sinh từ việc đánh giá lại số dư cuối năm của khoản vay dài hạn có gốc ngoại tệ trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái).

Ngoài ra, Công ty chưa tiến hành trích lập dự phòng khoản phải thu khác Công ty cổ phần Khang Phong khoản tạm ứng tiền góp vốn theo biên bản thỏa thuận do công ty này đã ngừng hoạt động.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót trên đến số liệu so sánh của năm trước như sau:

	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán				
	Mã số	năm trước	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán					
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	-	(3.065.333.335)	(3.065.333.335)	(i)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	-	3.030.657.878	3.030.657.878	(ii)

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán		Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
		năm trước	Các điều chỉnh		
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	(8.742.469.772)	9.057.298.176	314.828.404	(iii)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	53.487.851.667	(9.091.973.633)	44.395.878.034	(iv)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh					
Chi phí tài chính	22	30.264.931.235	166.825.140	30.431.756.375	(v)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2.231	(6)	2.225	(vi)

- (i) Dự phòng các khoản phải thu khó đòi
Tăng do lập dự phòng bổ sung công nợ phải thu khó đòi số tiền 3.065.333.335 VND.
- (ii) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại
Tăng do hạch toán thuế hoãn lại cho các chi phí tạm thời được khấu trừ chưa kê khai bao gồm:
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến chi phí quản lý doanh nghiệp tăng của dự phòng phải thu khó đòi số tiền = 3.065.333.335 VND *25% 766.333.334
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến chi phí tài chính tăng do kết chuyển chênh lệch tỷ giá khoản vay vào kết quả kinh doanh = 9.057.298.176 VND *25% 2.264.324.544
Cộng 3.030.657.878
- (iii) Chênh lệch tỷ giá hối đoái
Tăng do kết chuyển lỗ chênh lệch tỷ giá khoản vay vào kết quả kinh doanh số tiền 9.057.298.176 VND.
- (iv) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Ảnh hưởng của các điều chỉnh bao gồm:
Lập dự phòng bổ sung công nợ phải thu khó đòi 3.065.333.335
Kết chuyển chênh lệch tỷ giá khoản vay vào kết quả kinh doanh 9.057.298.176
Tăng tài sản thuế thu nhập hoãn lại (3.030.657.878)
Cộng 9.091.973.633
- (v) Chi phí tài chính
Tăng do kết chuyển lỗ chênh lệch tỷ giá khoản vay vào kết quả kinh doanh trong năm 2011 số tiền 166.825.140 VND.
- (vi) Lãi cơ bản trên cổ phiếu
Giảm do ảnh hưởng của kết chuyển lỗ chênh lệch tỷ giá khoản vay số tiền 166.825.140 VND vào kết quả kinh doanh trong năm 2011.

4. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Khách hàng của Công ty chủ yếu là khách hàng lâu năm và có mối quan hệ tốt. Chính sách tín dụng của Công ty tối đa là 30 ngày. Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá</u>	<u>Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn nhưng không giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	42.225.452.748	-	-	-	42.225.452.748
Phải thu khách hàng	32.276.401.583	-	3.790.604.180	-	36.067.005.763
Các khoản phải thu khác	5.625.031.470	-	-	3.065.333.335	8.690.364.805
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	7.516.471.200	5.000.000.000	-	-	12.516.471.200
Cộng	87.643.357.001	5.000.000.000	3.790.604.180	3.065.333.335	99.499.294.516
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	34.300.196.757	-	-	-	34.300.196.757
Phải thu khách hàng	41.456.174.762	-	2.641.890.569	-	44.098.065.331
Các khoản phải thu khác	6.412.145.649	-	-	3.065.333.335	9.477.478.984
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	5.874.000.000	5.000.000.000	-	-	10.874.000.000
Cộng	88.042.517.168	5.000.000.000	2.641.890.569	3.065.333.335	98.749.741.072

Chi tiết thời gian quá hạn của Phải thu khách hàng đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quá hạn trên 06 tháng đến dưới 1 năm	1.148.713.611	-
Quá hạn trên 1 năm đến dưới 2 năm	2.641.890.569	2.641.890.569
Cộng	3.790.604.180	2.641.890.569

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toàn, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả người bán	33.963.784.457	-	-	33.963.784.457
Vay và nợ	49.279.874.473	197.372.536.063	35.113.999.964	281.766.410.500
Các khoản phải trả khác	3.550.450.159	-	-	3.550.450.159
Cộng	86.794.109.089	197.372.536.063	35.113.999.964	319.280.645.116
Số đầu năm				
Phải trả người bán	29.578.542.757	-	-	29.578.542.757
Vay và nợ	42.552.770.368	85.411.462.400	-	127.964.232.768
Các khoản phải trả khác	4.290.419.845	-	-	4.290.419.845
Cộng	76.421.732.970	85.411.462.400	-	161.833.195.370

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho kinh doanh hàng hải với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	SGD	USD	SGD
Tiền và các khoản tương đương tiền	450.649,63	-	856.522,65	-
Phải thu khách hàng	912.164,21	-	808.499,64	-
Phải trả người bán	(611.377,92)	(116.610,67)	(639.981,59)	(152.450,06)
Vay và nợ	(13.536.700,00)	-	(6.143.856,00)	-
Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ	(12.785.264,08)	(116.610,67)	(5.118.815,30)	(152.450,06)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 02% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 4.842.888.180 VND (năm trước giảm/tăng 2.637.945.276 VND) do ảnh hưởng của lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính. Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của tỷ giá hối đoái năm nay tăng so với năm trước chủ yếu do số dư nợ vay ngoại tệ tăng cao.

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND và SGD đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ thuần có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.100.000.000	13.000.000.000
Vay và nợ	(281.766.410.500)	(127.964.232.768)
Nợ phải trả thuần	(307.866.410.500)	(140.964.232.768)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi giảm 02% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ tăng 3.834.996.157 VND (năm trước tăng 1.724.463.492 VND). Mức độ nhạy cảm đối với sự thay đổi của lãi suất năm nay tăng so với năm trước do sự tăng lên của khoản vay có lãi suất thả nổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toàn, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch vận chuyển và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty không thế chấp tài sản nào cho đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	42.225.452.748	-	34.300.196.757	-	42.225.452.748	34.300.196.757
Phải thu khách hàng	36.067.005.763	-	44.098.065.331	-	36.067.005.763	44.098.065.331
Các khoản phải thu khác	8.690.364.805	(3.065.333.335)	9.477.478.984	(3.065.333.335)	5.625.031.470	6.412.145.649
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	12.516.471.200	(3.650.000.000)	10.874.000.000	(3.400.000.000)	8.866.471.200	7.474.000.000
Cộng	86.982.823.316	(3.065.333.335)	87.875.741.072	(3.065.333.335)	83.917.489.981	84.810.407.737

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Phải trả người bán	33.963.784.457	29.578.542.757	33.963.784.457
Vay và nợ	281.766.410.500	127.964.232.768	281.766.410.500	127.964.232.768
Các khoản phải trả khác	3.550.450.159	4.290.419.845	3.550.450.159	4.290.419.845
Cộng	319.280.645.116	161.833.195.370	319.280.645.116	161.833.195.370

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính: giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toàn, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết do Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

6. Thông tin khác

Trong năm 2010, Công ty cổ phần vận tải biển Anh Vũ có cho Công ty thuê lại tàu Nautilus Pioneer với thời gian thuê là 05 năm. Tuy nhiên, theo Biên bản cuộc họp ngày 10 tháng 9 năm 2011, hai bên đã thống nhất việc Công ty cổ phần Âu Lạc sẽ trả lại tàu vào ngày 31 tháng 12 năm 2011. Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, số dư nợ phải trả Công ty cổ phần vận tải biển Anh Vũ là 3.503.783.878 VND (số đã bù trừ giữa tiền thuê tàu phải trả và tiền nhiên liệu còn lại trên tàu). Ngoài ra, Công ty đã ký quỹ thuê tàu cho công ty này 4.560.000.000 VND. Hiện tại, hai bên vẫn chưa đạt được sự thống nhất trong việc giải quyết các khoản công nợ trên.

Công ty có thuê Công ty cổ phần vận tải dầu Phương Đông Việt vận chuyển nhiên liệu và cũng có thực hiện dịch vụ vận chuyển cho công ty này. Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, sổ sách kế toán của Công ty thể hiện đồng thời công nợ phải thu và phải trả công ty này với cùng số tiền là 1.265.074.169 VND. Hiện tại, hai bên đang có tranh chấp trong việc thanh toán các khoản công nợ trên và Công ty cổ phần vận tải dầu Phương Đông Việt đã khởi kiện Công ty ra tòa. Hiện tại chưa có phán quyết cuối cùng về vấn đề này.

Công ty có thuê Công ty cổ phần vận tải biển Khai Nguyên vận chuyển nhiên liệu và cũng có thực hiện dịch vụ vận chuyển cho công ty này. Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, sổ sách kế toán của Công ty thể hiện đồng thời công nợ phải thu và phải trả công ty này với cùng số tiền là 1.376.810.400 VND. Hiện tại, hai bên đang có tranh chấp trong việc thanh toán các khoản công nợ trên và Công ty cổ phần vận tải biển Khai Nguyên đã khởi kiện Công ty ra tòa. Hiện tại chưa có phán quyết cuối cùng về vấn đề này.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2013

Hồ Văn Thiện
Kế toán trưởng



Mai Văn Tùng
Tổng Giám đốc

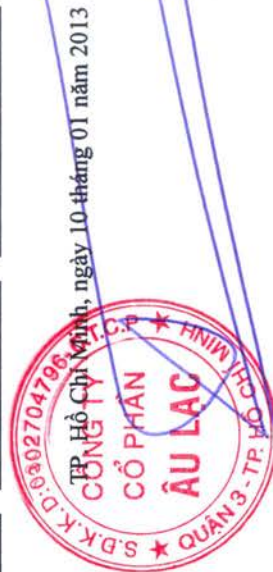
CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	253.779.820.000	254.725.820.000	-	1.586.997.845	19.691.958.422	30.024.277.329	559.808.873.596
Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong năm	-	-	314.828.404	-	-	-	314.828.404
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	56.460.425.973	56.460.425.973
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	11.041.402.583	1.577.040.257	(15.246.843.268)	(2.628.400.428)
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(1.464.000.000)	(1.464.000.000)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(25.377.982.000)	(25.377.982.000)
Số dư cuối năm trước	253.779.820.000	254.725.820.000	314.828.404	12.628.400.428	21.268.998.679	44.395.878.034	587.113.745.545
Số dư đầu năm nay	253.779.820.000	254.725.820.000	314.828.404	12.628.400.428	21.268.998.679	44.395.878.034	587.113.745.545
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá hối đoái đầu năm	-	-	(314.828.404)	-	-	-	(314.828.404)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	64.824.412.884	64.824.412.884
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	2.786.621.963	1.671.973.178	(8.359.865.888)	(3.901.270.747)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(63.444.955.000)	(63.444.955.000)
Trích thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(2.670.000.000)	(2.670.000.000)
Số dư cuối năm nay	253.779.820.000	254.725.820.000	-	15.415.022.391	22.940.971.857	34.745.470.030	581.607.104.278



(Handwritten signature)

Hồ Văn Thiện
Kế toán trưởng

Mai Văn Tùng
Tổng Giám đốc